TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **261**/2018/HNGĐ_ST
Ngày: 17/8/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Thu X**, sinh năm 1972
2. *Bị đơn:* Ông **Ngô Sơn Y**, sinh năm 1969

Địa chỉ: số B14, Kp.6, P.Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(Bà X xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Hồ Thị Thu X trình bày: Trên cơ sở tự nguyện và sau thời gian tìm hiểu nhau, năm 1991 bà cùng ông Ngô Minh Sơn tự nguyện kết hôn. Ngày 10/9/1991, UBND phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 147, quyển số 01 cho bà và ông Y. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó dẫn đến sống ly thân với nhau. Dù cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, nay bà xác định bà không còn tình cảm với ông Y, không thể chung sống với ông Y được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Hải Yến, sinh năm 1992 và Ngô Nhật Hào, sinh năm 1995. Do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung , nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Ngô Sơn Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của của ông Y về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Sơn Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án.

- Bà X, ông Y có hộ khẩu thường trú tại phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thu X và ông Ngô Sơn Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết số 147, quyển số 01, ngày 10/9/1991 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X xác định tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng vợ chồng không

thể hàn gắn đoàn tụ được và vợ chồng cũng đã ly thân từ hai năm nay nên bà cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Y. Theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 25/6/2018, địa phương xác định không nắm được tình hình mâu thuẫn giữa vợ chồng bà X ông Y. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Y không đến Tòa án làm việc không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy ông Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Cả hai con chung là Ngô Hải Yến, sinh năm 1992 và Ngô Nhật Hào, sinh năm 1995 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do ông Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Hồ Thị Thu X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thu X đối với bị đơn ông Ngô Sơn Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Hồ Thị Thu X, sinh năm 1972 được ly hôn với ông Ngô Sơn Y, sinh năm 1969.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Hồ Thị Thu X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 007057 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà X, ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND P.Tân Tiến
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt